

Số: 32/NQ-HĐND

Triệu Phong, ngày 28 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số mô hình cây trồng, con nuôi trên địa bàn huyện Triệu Phong giai đoạn 2022-2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Nghị quyết Chính sách hỗ trợ phát triển một số mô hình cây trồng, con nuôi trên địa bàn huyện Triệu Phong giai đoạn 2022-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số mô hình cây trồng, con nuôi trên địa bàn huyện Triệu Phong giai đoạn 2022-2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện


1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Triệu Phong khóa VI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28/7/2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. *lu*

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- TV Huyện ủy, TT HĐND, UBND, UBMT huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- CPVP, CV_{HĐ};
- Website huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH*


Nguyễn Hữu Ngọc

QUY ĐỊNH

Chính sách chính sách hỗ trợ phát triển một số mô hình cây trồng, con nuôi trên địa bàn huyện Triệu Phong giai đoạn 2022-2026

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND
ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Phong)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chính sách hỗ trợ phát triển đối với cây trồng, con nuôi gồm: Cây ăn quả, lúa chất lượng cao, dược liệu, gỗ nguyên liệu, con bò, con lợn, con gà và con tôm, mô hình kinh tế trang trại, trang trại ứng dụng công nghệ cao.

2. Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các văn bản quy định của Trung ương, tỉnh và của huyện còn hiệu lực. Trường hợp các văn bản có cùng nội dung hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là tổ chức, cá nhân) tham gia phát triển sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng các dịch vụ có liên quan đến cây trồng, con nuôi của huyện.

2. Không áp dụng đối với các Doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

CHƯƠNG II CÁC MỤC TIÊU

Điều 3. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển cây trồng, con nuôi trên cơ sở thực hiện có hiệu quả đồng bộ các giải pháp về bố trí quỹ đất hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng khoa học công nghệ, tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại, thúc đẩy sơ chế, chế biến.

Phát huy lợi thế từng vùng, từng địa phương, đẩy mạnh liên kết nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh đáp ứng các tiêu chuẩn chứng nhận, phù hợp với nhu cầu của thị trường; thúc đẩy ngành nông nghiệp tăng trưởng bền vững trong thời gian tới, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

Điều 4. Mục tiêu cụ thể

1. Đối với cây trồng

a) Cây Lúa: Đến năm 2026, có ít nhất 350 ha lúa được sản xuất theo Vietgap, hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên; trong đó, có 50 ha được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ.

b) Cánh đồng sản xuất canh tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (Mô hình CSA): Đến năm 2026 có ít nhất 50 mô hình.

c) Cây ăn quả: Đến năm 2026 trồng mới hoặc ghép cải tạo có hiệu quả ít nhất 60 ha cây ăn quả có giá trị kinh tế cao vùng gò đồi xã Triệu Ái, Triệu Thượng (Cam, bưởi, bơ, chanh leo); có ít nhất 06 ha cây ăn quả được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ.

d) Cây dược liệu: Đến năm 2026, có ít nhất 75 ha cây dược liệu như: Chè vằng, nghệ, sả, cà gai leo, an xoa, dây thìa canh, sâm bố chính, quế, trà gió hoặc phát triển cây dược liệu được trồng mới dưới tán rừng như: Bảy lá một hoa, đẳng sâm, sâm cau, giảo cổ lam, khôi tía.

e) Gỗ nguyên liệu: Đến năm 2026, có ít nhất 1.500 ha rừng trồng nguyên liệu chất lượng cao tại 02 xã vùng gò đồi, trong đó: rừng trồng chuyển đổi 250 ha, trồng mới 250 ha.

2. Đối với con nuôi

a) Con bò :

- Trồng cỏ, trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho bò: Đến năm 2026 có ít nhất 20 ha cỏ, ngô sinh khối phục vụ hoạt động chăn nuôi bò quy mô trang trại.

- Chăn nuôi bò thịt thâm canh: Đến năm 2026 có ít nhất 10 mô hình nuôi bò chuyên thịt thâm canh, (trong đó vùng gò đồi ít nhất 03 mô hình) kết hợp trồng cỏ, trồng ngô sinh khối; nâng cao chất lượng, đưa tỷ lệ đàn bò lai Zebu đạt trên 70% tổng đàn bò vào năm 2026.

b) Bình Nitor lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc: Đến năm 2026 hỗ trợ 07-10 bình Nitor lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

c) Con lợn: Đến năm 2026 có ít nhất 10 mô hình chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên.

d) Con gà: Đến năm 2026 có ít nhất 10 mô hình chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên.

e) Con tôm: Đến năm 2026, có ít nhất 13 mô hình nuôi tôm công nghệ cao.

3. Mô hình sản xuất nông nghiệp

a) Mô hình kinh tế đạt tiêu chí kinh tế trang trại: Phần đầu đến 2026 có 65 mô hình.

b) Mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Đến năm 2026 có 35 mô hình trang trại ứng dụng công nghệ cao, trong đó có ít nhất 04 mô hình trồng trọt.

c) Mô hình Cánh đồng lớn có liên kết sản xuất: Đến năm 2026 có ít nhất 21 mô hình.

4. Một số chính sách khác

- a) Chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo hướng hữu cơ: Đến năm 2026 có 03 dự án (06 ha).
- b) Chứng nhận sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ: Đến năm 2026 có 10 dự án (50 ha)
- c) Phát triển sản phẩm dược liệu đạt chứng nhận sản phẩm OCOP: Chứng nhận vùng nguyên liệu sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, đến năm 2026 ít nhất 02 đơn vị/chủ thể được hỗ trợ.
- d) Chứng nhận VietGAP đối với trang trại chăn nuôi bò: Đến năm 2026 có 03 trang trại chăn nuôi bò được chứng nhận.

CHƯƠNG III CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ CÂY TRỒNG, CON NUÔI

Điều 5. Chính sách hỗ trợ về phát triển cây trồng

1. Chính sách hỗ trợ phát triển cây ăn quả theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 3, Điều 3 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất theo hướng hữu cơ. Định mức tối đa 50 triệu đồng/ha (ngân sách cấp tỉnh 35 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 15 triệu đồng), mỗi năm không quá 12 ha.

2. Chính sách hỗ trợ phát triển cây lúa hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 4, Điều 3 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất lúa theo hướng hữu cơ. Định mức tối đa 07 triệu đồng/ha/vụ (ngân sách cấp tỉnh 4,9 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 2,1 triệu đồng), mỗi điểm sản xuất chỉ hỗ trợ 01 năm với 02 vụ sản xuất liên tục, mỗi năm không quá 30 ha.

3. Chính sách hỗ trợ phát triển vùng sản xuất dược liệu tập trung.

a) Hỗ trợ phát triển vùng sản xuất dược liệu tập trung theo Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND

- Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 5, Điều 3 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

- Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Định mức tối đa 60 triệu đồng/ha (ngân sách cấp tỉnh 42 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 18 triệu đồng), mỗi năm không quá 05 ha.

b) Hỗ trợ vùng trồng cây quế tập trung

- Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình trồng cây quế thành vùng tập trung, quy mô tối thiểu 02 ha. Hỗ trợ chi phí giống, vật tư; hỗ trợ 01 lần sau đầu tư.

- Về định mức, quy mô hỗ trợ: hỗ trợ 18 triệu đồng/ha, mỗi năm không quá 05 ha.

4. Chính sách hỗ trợ phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 6, Điều 3 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 70% chi phí giống theo định mức kinh tế kỹ thuật mỗi loại cây. Định mức tối đa 20 triệu đồng/ha (ngân sách cấp tỉnh 14 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 06 triệu đồng), mỗi năm không quá 05 ha.

5. Chính sách hỗ trợ phát triển rừng nguyên liệu chất lượng cao

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 7, Điều 3 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí giống cây Keo lai nuôi cấy mô, phân bón. Định mức tối đa 04 triệu đồng/ha cho mỗi tổ chức, cá nhân (ngân sách cấp tỉnh 2,8 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 1,2 triệu đồng), mỗi năm không quá 50 ha.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ phát triển con nuôi

1. Chính sách hỗ trợ trồng cỏ, trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho bò.

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 1, Điều 4 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu (phân bón, vôi bột):

- Trồng cỏ tối đa 24 triệu đồng/ha (ngân sách cấp tỉnh 16,8 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 7,2 triệu đồng), mỗi năm không quá 02 ha.

- Trồng ngô sinh khối tối đa 07 triệu đồng/ha (ngân sách cấp tỉnh 4,9 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 2,1 triệu đồng), mỗi năm không quá 02 ha.

2. Chính sách hỗ trợ chăn nuôi bò chuyên thịt thâm canh.

a) Hỗ trợ theo theo Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND

- Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 2, Điều 4 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

- Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Định mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình (ngân sách cấp tỉnh 70 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 30 triệu đồng); mỗi năm hỗ trợ 01 mô hình.

b) Hỗ trợ theo Mô hình trang trại

- Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hộ gia đình đầu tư chăn nuôi bò thịt thâm canh, quy mô 10 con trở lên chăn nuôi các giống bò: Nhóm Zebu, lai Zebu, các giống bò ngoại, lai ngoại chuyên thịt BBB, DroughtMaster, Charolaise và một số giống chất lượng cao khác; Giống bò nuôi chuyên thịt phải đạt 50% máu ngoại trở lên.

- Mức hỗ trợ, quy mô hỗ trợ: 50 triệu đồng/mô hình. Hỗ trợ 01 lần sau đầu tư, mỗi năm hỗ trợ 01 mô hình.

3. Hỗ trợ chăn nuôi lợn thịt hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên.

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hộ gia đình đầu tư chăn nuôi lợn thịt hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên quy mô 25 con trở lên, có hệ thống chuồng nuôi thông thoáng, mật độ nuôi tối thiểu $1\text{m}^2/\text{con}$, sử dụng đệm lót sinh học, thức ăn hữu cơ (phối trộn từ các sản phẩm nông nghiệp lúa, ngô, khoai, sắn, cá...thức ăn xanh), sử dụng chế phẩm vi sinh.

b) Mức hỗ trợ, quy mô hỗ trợ: 50 triệu đồng/mô hình. Hỗ trợ 01 lần sau đầu tư, mỗi năm hỗ trợ không quá 02 Mô hình.

4. Hỗ trợ chăn nuôi gà hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên.

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hộ gia đình đầu tư chăn nuôi gà hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên quy mô 300 con trở lên, hệ thống chuồng nuôi thông thoáng, có đệm lót sinh học, mật độ chuồng nuôi tối đa 08 con/ 1m^2 , khu vực sân chơi cho gà (nếu nuôi gà thịt) đảm bảo mật độ tối thiểu $0,8\text{m}^2/\text{con}$, sử dụng thức ăn hữu cơ (phối trộn từ các sản phẩm nông nghiệp lúa, ngô, khoai, sắn, cá...thức ăn xanh), sử dụng chế phẩm vi sinh.

b) Mức hỗ trợ, quy mô hỗ trợ: 20 triệu đồng/mô hình. Hỗ trợ 01 lần sau đầu tư, mỗi năm hỗ trợ không quá 02 mô hình.

5. Chính sách hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc.

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 3, Điều 4 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% giá trị bình chứa Nitơ lỏng từ 3 lít trở lên cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Định mức hỗ trợ tối đa 04 triệu đồng/01 bình/01 người (ngân sách cấp tỉnh 2,8 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 1,2 triệu đồng); giai đoạn 2022-2026 tối đa 07 bình.

6. Chính sách hỗ trợ thực hiện dự án nuôi tôm công nghệ cao

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 4, Điều 4 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Định mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án (ngân sách cấp tỉnh 350 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 150 triệu đồng); mỗi năm hỗ trợ 01 Dự án.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ mô hình ứng dụng công nghệ cao, mô hình đạt tiêu chí kinh tế trang trại

1. Chính sách hỗ trợ mô hình ứng dụng công nghệ cao

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình ứng dụng công nghệ cao. Hỗ trợ 01 lần sau đầu tư, mỗi năm hỗ trợ không quá 02 mô hình.

b) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình xây dựng mô hình chăn nuôi, trồng trọt ứng dụng công nghệ cao như: Công nghệ sinh học, công nghệ nhà kính, công nghệ tưới nhỏ giọt, công nghệ cảm biến, tự động hóa, internet vạn vật...Đối với mô hình trồng trọt đạt diện tích 500m² trở lên, mô hình chăn nuôi đạt quy mô trang trại theo Luật chăn nuôi. Chỉ hỗ trợ những mô hình chưa được hỗ trợ từ các chính sách của Trung ương, của tỉnh, của huyện.

2. Chính sách hỗ trợ mô hình đạt tiêu chí kinh tế trang trại

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/mô hình. Hỗ trợ 01 lần sau đầu tư, mỗi năm hỗ trợ không quá 04 mô hình.

b) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình có mô hình sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT, được UBND cấp xã công nhận. Chỉ hỗ trợ những mô hình chưa được hỗ trợ từ các chính sách của Trung ương, của tỉnh, của huyện.

Điều 8. Chính sách về hỗ trợ chứng nhận, xúc tiến thương mại

1. Chính sách hỗ trợ chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn hữu cơ

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 01, Điều 5 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần chi phí cấp giấy chứng nhận hữu cơ Việt Nam. Định mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/dự án (ngân sách cấp tỉnh)

2. Chính sách hỗ trợ chứng nhận sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 02, Điều 5 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần chi phí cấp giấy chứng nhận hữu cơ Việt Nam. Định mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/dự án (ngân sách cấp tỉnh).

3. Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm dược liệu đạt chứng nhận sản phẩm OCOP đối với tổ chức, cá nhân có tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ dược liệu trên địa bàn huyện.

a) Hỗ trợ 40% chi phí chứng nhận vùng nguyên liệu sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; định mức hỗ trợ tối đa 10 triệu/đơn vị (ngân sách cấp tỉnh).

b) Hỗ trợ 40% chi phí chứng nhận kiểm soát chất lượng như: ISO 22000, HACCP, GAP và một số chứng nhận tương đương; mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/đơn vị (ngân sách cấp tỉnh).

c) Hỗ trợ chi phí cấp chứng nhận GMP; mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/đơn vị (ngân sách cấp tỉnh).

4. Chính sách hỗ trợ chứng nhận VietGAP đối với trang trại chăn nuôi bò

a) Về nội dung, đối tượng và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo Khoản 04, Điều 5 của Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chứng nhận VietGap. Định mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/trang trại (ngân sách cấp tỉnh)

5. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

Nội dung, đối tượng, định mức hỗ trợ thực hiện theo Khoản 5, Điều 5 Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

Điều 9. Chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (về quản lý, sử dụng đất trồng lúa)

1. Hỗ trợ phát triển cây lúa theo VietGAP, hướng hữu cơ.

a) Về đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất lúa VietGAP, hướng hữu cơ quy mô tập trung tối thiểu 10 ha, ruộng liền vùng, liền khoảnh, chủ động tưới, tiêu (ưu tiên cho HTX, tổ hợp tác).

b) Định mức, quy mô hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Định mức tối đa 07 triệu đồng/ha/vụ, mỗi điểm sản xuất chỉ hỗ trợ 01 năm với 02 vụ sản xuất liên tục, mỗi năm không quá 70ha.

2. Hỗ trợ cánh đồng mẫu lớn có liên kết tiêu thụ sản phẩm

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân tham gia mô hình xây dựng cánh đồng mẫu lớn sản xuất giống lúa chất lượng cao, có liên kết tiêu thụ sản phẩm, đạt quy mô từ 30 ha trở lên.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ tìm kiếm thị trường, đối tác tiêu thụ sản phẩm. Định mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/mô hình.

3. Hỗ trợ công nghệ phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân tham gia ứng dụng thiết bị bay không người lái để phun thuốc BVTV quy mô từ 05 ha trở lên.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí dịch vụ bay.

4. Hỗ trợ mua máy sạ hàng

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua máy để sử dụng gieo hạt.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua máy sạ hàng.

5. Hỗ trợ hạt giống lúa

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân sử dụng hạt giống lúa mới, giống tiến bộ kỹ thuật, giống được sản xuất đại trà và phẩm cấp hạt giống phải đạt từ cấp xác nhận trở lên.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí giống.

6. Hỗ trợ mô hình CSA - Canh đồng sản xuất canh tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện mô hình canh đồng sản xuất canh tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, đạt quy mô từ 20 ha trở lên.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ tối đa 01 triệu đồng/ha.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Hằng năm ngân sách huyện cân đối bố trí tối thiểu 1,3 tỷ đồng/năm để thực hiện chính sách theo quy định này.

2. Đối với chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (về quản lý, sử dụng đất trồng lúa) thực hiện theo Quyết định phân bổ hàng năm của tỉnh cũng như các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Huy động, lồng ghép thêm nguồn vốn từ các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác; nguồn đóng góp của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.